TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2023.
V/v tranh chấp: *"Xin ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Hồng Diễm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2023/TLST-HGNĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị D**, sinh ngày: 01/01/1977. (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKTT: Số 17/6 đường Nguyễn Văn Kiến, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 695 đường Trần Khánh Dư, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông **Danh T**, sinh năm: 1974. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 17/6 đường Nguyễn Văn Kiến, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà D và ông Danh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới truyền thống và có đăng ký kết hôn tại

UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 01/02/1995.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống, giữa bà D và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên cự cãi nhau, tính tình không phù hợp, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bà D và ông T đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay thấy rằng đời sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà D xác nhận giữa bà và ông T quá trình chung sống có 02 (hai) người con chung tên Danh G, sinh ngày 23/01/1996 và Danh Nhật H, sinh ngày 14/11/2004, cả hai đều đã trưởng thành, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác nhận giữa bà và ông T không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị D vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến xác nhận vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày như trên.

** Tại Bản tự khai đề ngày 08/6/2023, ông Danh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông T xác nhận nội dung trình bày của bà D về vấn đề hôn nhân và mâu thuẫn trong hôn nhân là đúng. Nay, thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà D.

- Về con chung: Ông T xác nhận giữa ông và bà D quá trình chung sống có 02 (hai) người con chung tên Danh G, sinh ngày 23/01/1996 và Danh Nhật H, sinh ngày 14/11/2004, cả hai đều đã trưởng thành, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác nhận giữa ông và bà D không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Danh T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trần Thị D khởi kiện xin ly hôn với ông Danh T có địa chỉ ở số 17/6 đường Nguyễn Văn Kiến, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 7 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Danh T đã được Tòa án triệu tập và tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng hợp lệ, ông T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời nguyên đơn bà Trần Thị D cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bà Trần Thị D và ông Danh T.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị D và ông Danh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/02/1995, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà D khởi kiện xin ly hôn với ông T và đưa ra những lý do chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà D xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Danh T vắng mặt nhưng có văn bản nêu ý kiến xác nhận mâu thuẫn hôn nhân như bà Trần Thị D trình bày là đúng và đồng ý ly hôn với bà D. Đồng thời, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thành.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn với ông Danh T của bà Trần Thị D.

[4] *Về con chung:* Bà Trần Thị D và ông Danh T đều có ý kiến xác nhận quá trình chung sống giữa ông bà có 02 (hai) người con chung tên Danh G, sinh ngày 23/01/1996 và Danh Nhật H, sinh ngày 14/11/2004, cả hai đều đã trưởng thành, bà D và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Trần Thị D và ông Danh T đều thống nhất xác nhận giữa ông bà không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà Trần Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị D được ly hôn với ông Danh T.

2. Về con chung: Có 02 (hai) người con chung tên Danh G, sinh ngày 23/01/1996 và Danh Nhật H, sinh ngày 14/11/2004, cả hai đều đã trưởng thành, bà Trần Thị D và ông Danh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị D và ông Danh T thống nhất xác nhận giữa ông bà không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004947 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Bà Trần Thị D đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**
- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh